

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO 27/7/2026



NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2024/NĐ-CP
ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định
về thanh toán không dùng tiền mặt

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 137/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điều ước quốc tế;

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 14/2022/QH15;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 96/2025/QH15 và Luật số 142/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư số 143/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng, chống rửa tiền số 14/2022/QH15;

Căn cứ Luật Phòng, chống khủng bố số 28/2013/QH13, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 14/2022/QH15;

Căn cứ Luật Bưu chính số 49/2010/QH12;

Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định về thanh toán không dùng tiền mặt.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 16, khoản 19 và khoản 20 Điều 3

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 16 như sau:

“16. Dịch vụ ví điện tử là dịch vụ do ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cung ứng cho khách hàng để *nhận tiền vào ví điện tử*, rút tiền ra khỏi ví điện tử và thực hiện giao dịch thanh toán.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 19 như sau:

“19. Hệ thống thanh toán là hệ thống bao gồm các quy định, phương tiện, quy trình, thủ tục, cơ sở hạ tầng kỹ thuật để:

- a) *Kết nối, truyền dẫn, xử lý và bù trừ các giao dịch thanh toán; và/hoặc*
- b) *Quyết toán các giao dịch thanh toán.”.*

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 20 như sau:

“20. *Hệ thống thanh toán quốc tế là hệ thống thanh toán do tổ chức được thành lập và hoạt động hợp pháp ở nước ngoài vận hành để thực hiện các giao dịch thanh toán quốc tế”.*

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 5

Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Tổ chức nước ngoài cung ứng dịch vụ thanh toán, dịch vụ trung gian thanh toán cho khách hàng là người không cư trú và người nước ngoài cư trú tại Việt Nam để thực hiện giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ tại Việt Nam (*sau đây gọi là tổ chức nước ngoài*) phải thực hiện thông qua:

a) Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận tham gia hệ thống thanh toán quốc tế của tổ chức nước ngoài đó; hoặc

b) *Tổ chức cung ứng dịch vụ chuyển mạch tài chính quốc tế tại Việt Nam đã được Ngân hàng Nhà nước cấp phép để thực hiện:*

- b.1) Kết nối với hệ thống thanh toán quốc tế của tổ chức nước ngoài đó; hoặc*
- b.2) Kết nối với hệ thống thanh toán quốc tế của tổ chức cung ứng dịch vụ chuyển mạch tài chính nước ngoài mà tổ chức nước ngoài đó tham gia.”.*

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 6

Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cung ứng dịch vụ ví điện tử phải đảm bảo duy trì tổng số dư trên tất cả các tài khoản đảm bảo thanh toán cho dịch vụ ví điện tử mở tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không thấp hơn tổng số dư tất cả các ví điện tử đã phát hành cho khách hàng; *việc liên kết ví điện tử với tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ của chính khách hàng tại ngân hàng liên kết thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.”.*

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 8

Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

“6. Phát hành, cung ứng, sử dụng và *chấp nhận* các phương tiện thanh toán không hợp pháp.”

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 12

1. Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 1 như sau:

“đ) Các trường hợp theo thỏa thuận trước bằng văn bản giữa chủ tài khoản thanh toán với tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán. *Trường hợp không có thỏa thuận trước, tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán được đóng tài khoản thanh toán của khách hàng khi tài khoản thanh toán không phát sinh giao dịch từ 03 năm trở lên và tài khoản thanh toán của khách hàng thuộc một trong các trường hợp sau: (i) các tài liệu, thông tin, dữ liệu trong hồ sơ mở tài khoản thanh toán của khách hàng đã hết hiệu lực và thời hạn sử dụng; hoặc (ii) khách hàng chưa hoàn thành việc đổi chiếu thông tin sinh trắc học;*”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 như sau:

“c) *Đối với số dư còn lại sau khi đóng tài khoản thanh toán mà người thụ hưởng hợp pháp đã được thông báo nhưng không đến nhận, ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện theo dõi để trả lại khi người thụ hưởng hợp pháp có yêu cầu hoặc xử lý theo quy định của pháp luật.*”.

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 14

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 như sau:

“a) *Hồ sơ phải được lập bằng tiếng Việt. Nếu giấy tờ trong hồ sơ mở tài khoản thanh toán bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch sang tiếng Việt. Các bản dịch từ tiếng nước ngoài ra tiếng Việt phải được công chứng bản dịch hoặc chứng thực chữ ký của người dịch theo quy định của pháp luật;*”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 như sau:

“c) Hồ sơ được gửi qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc nộp trực tiếp tới Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước nơi tổ chức đề nghị mở tài khoản thanh toán hoặc trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia;”.

3. *Bổ sung điểm đ vào sau điểm d khoản 1 như sau:*

“đ) *Khi các loại giấy tờ thuộc thành phần hồ sơ quy định tại Nghị định này đã được tích hợp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành thì Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm khai thác và sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành trên cơ sở trao đổi, cung cấp thông tin giữa các cơ quan quản lý nhà nước.*”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Hồ sơ mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước, bao gồm:

a) Đơn đề nghị mở tài khoản thanh toán kèm bản đăng ký mẫu dấu, mẫu chữ ký theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Các tài liệu chứng minh tổ chức mở tài khoản thanh toán được thành lập và hoạt động hợp pháp, gồm: *Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép thành lập hoặc giấy tờ có giá trị tương đương*.

c) Các tài liệu chứng minh tư cách đại diện của người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền của tổ chức mở tài khoản thanh toán và thẻ căn cước, thẻ căn cước công dân, căn cước điện tử hoặc hộ chiếu còn thời hạn của người đó;

d) Văn bản hoặc quyết định bổ nhiệm và thẻ căn cước, thẻ căn cước công dân, căn cước điện tử hoặc hộ chiếu còn thời hạn của kế toán trưởng hoặc người phụ trách kế toán, người kiểm soát chứng từ giao dịch với Ngân hàng Nhà nước của tổ chức mở tài khoản thanh toán;

đ) Đối với các thành phần hồ sơ nêu tại điểm b, c, d khoản này, Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì Ngân hàng Nhà nước yêu cầu tổ chức mở tài khoản bổ sung thành phần hồ sơ để giải quyết thủ tục hành chính.”.

5. Thay thế cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố” thành “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực” tại điểm a khoản 3.

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung Điều 19

Sửa đổi, bổ sung Điều 19 như sau:

“**Điều 19.** Điều kiện cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích

Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích được cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng khi đáp ứng đầy đủ và phải đảm bảo duy trì đủ các điều kiện sau đây trong quá trình cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng:

1. Có hệ thống thông tin phục vụ cho hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng đáp ứng yêu cầu về *bảo đảm an ninh mạng hệ thống thông tin cấp độ 3 theo quy định của pháp luật và yêu cầu về bảo đảm hoạt động liên tục*.

2. Điều kiện về nhân sự: Người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc (Giám đốc) phải có bằng đại học trở lên về một trong các ngành *tài chính, ngân hàng*, kinh

tế, quản trị kinh doanh, luật, công nghệ thông tin, *kế toán, kiểm toán, bưu chính, viễn thông* hoặc có ít nhất 05 năm kinh nghiệm là người quản lý, người điều hành của tổ chức trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, *trung gian thanh toán, công nghệ thông tin, bưu chính, viễn thông*; không thuộc những đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định của pháp luật.

3. Có quy trình nghiệp vụ kỹ thuật đối với từng loại dịch vụ; có biện pháp đảm bảo khả năng thanh toán, duy trì số dư tài khoản thanh toán của đơn vị mình tại ngân hàng và tiền mặt lớn hơn số tiền phải trả cho khách hàng tại thời điểm chi trả; quy trình kiểm tra, kiểm soát nội bộ; cơ chế quản lý rủi ro; quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; *quy trình giải quyết yêu cầu tra soát, khiếu nại, tranh chấp*; quy định quyền và trách nhiệm của các bên có liên quan.

4. Có phương án thu gom, vận chuyển tiền mặt đảm bảo cuối ngày nộp vào tài khoản thanh toán mở tại ngân hàng, đảm bảo an ninh, an toàn đối với việc luân chuyển tiền mặt; trang bị các thiết bị đảm bảo việc giao nhận, bảo quản tiền mặt, quy định hạn mức chuyển tiền, nhận tiền, mức tồn quỹ tại các điểm cung cấp dịch vụ.”.

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 20

1. Sửa đổi, bổ sung điểm d và điểm đ khoản 1 như sau:

“d) *Hồ sơ về nhân sự: Sơ yếu lý lịch, bản sao các văn bằng chứng minh năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc (Giám đốc) hoặc văn bản của người đại diện có thẩm quyền của đơn vị nơi người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc (Giám đốc) đã hoặc đang làm việc xác nhận chức vụ và thời gian đảm nhận chức vụ hoặc bản sao văn bản chứng minh chức vụ và thời gian đảm nhiệm chức vụ tại đơn vị của người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc (Giám đốc).*

Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong Cơ sở dữ liệu về văn bằng, chứng chỉ để thay thế thành phần hồ sơ văn bằng chứng minh năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc (Giám đốc). Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì Ngân hàng Nhà nước yêu cầu doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích đề nghị cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng bổ sung thành phần hồ sơ để giải quyết thủ tục hành chính.

Khi thông tin lý lịch tư pháp của công dân Việt Nam, người nước ngoài đã được tích hợp trong Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp thì Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm khai thác và sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp, trường hợp không khai thác được, Ngân hàng Nhà nước có văn bản đề nghị cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu về lý lịch tư pháp cung cấp thông tin lý lịch tư pháp của Người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc (Giám đốc) của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích để giải quyết thủ tục hành chính;

đ) *Bản sao các tài liệu chứng minh doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích được thành lập và hoạt động hợp pháp, gồm: Giấy phép thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, Điều lệ công ty (bản sao có chứng thực hoặc bản sao cấp từ sổ gốc hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu theo quy định của pháp luật, trường hợp hồ sơ gửi trực tuyến thì thực hiện theo quy định về thủ tục hành chính trên môi trường điện tử).*

Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành để thay thế thành phần hồ sơ giấy phép thành lập, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp đề nghị cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì Ngân hàng Nhà nước yêu cầu doanh nghiệp bổ sung thành phần hồ sơ để giải quyết thủ tục hành chính.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Quy trình, thủ tục chấp thuận:

a) *Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích gửi 01 bộ hồ sơ và 03 USB lưu trữ bản quét Bộ hồ sơ đầy đủ đề nghị cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng theo quy định tại khoản 1 Điều này qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc nộp trực tiếp tới Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước hoặc gửi trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (hồ sơ gửi trực tuyến thì thực hiện theo quy định về thủ tục hành chính trên môi trường điện tử). Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích đề nghị phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các thông tin cung cấp.*

Căn cứ vào hồ sơ đề nghị, Ngân hàng Nhà nước tiến hành thẩm định hồ sơ trên cơ sở các điều kiện quy định tại Điều 19 Nghị định này;

b) *Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích đề nghị xác nhận đã nhận đầy đủ thành phần hồ sơ hợp lệ hoặc không đầy đủ, hợp lệ theo quy định.*

Trường hợp hồ sơ đề nghị không đầy đủ, hợp lệ theo quy định, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi doanh nghiệp này yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Thời gian doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định;

c) *Trong thời hạn 40 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ thành phần hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước tiến hành thẩm định hồ sơ.*

Trường hợp hồ sơ cần giải trình, làm rõ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức giải trình, hoàn thiện hồ sơ. Thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

Trong thời hạn 40 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu giải trình, hoàn thiện hồ sơ mà tổ chức không gửi lại hồ sơ (trừ trường hợp có lý do xác đáng) thì Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lại hồ sơ cho tổ chức.

Trong thời hạn 40 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung, hoàn thiện của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích, Ngân hàng Nhà nước tiến hành thẩm định, chấp thuận bằng văn bản theo quy định. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời từ chối và trả hồ sơ cho tổ chức, trong đó nêu rõ lý do.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Thời hạn hiệu lực của văn bản chấp thuận là 10 năm tính từ ngày ký văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp gia hạn hiệu lực của văn bản chấp thuận hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng, trong thời hạn tối thiểu 60 ngày trước khi văn bản chấp thuận hết thời hạn, doanh nghiệp đề nghị gửi 01 bộ hồ sơ và 03 USB lưu trữ bản quét Bộ hồ sơ đầy đủ đề nghị chấp thuận gia hạn văn bản gồm: đơn đề nghị cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định này; báo cáo tình hình thực hiện hoạt động theo văn bản chấp thuận kể từ ngày được chấp thuận đến ngày nộp đơn đề nghị tới Ngân hàng Nhà nước.

Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị gia hạn văn bản chấp thuận của doanh nghiệp, Ngân hàng Nhà nước sẽ xem xét và gia hạn văn bản hoặc có văn bản thông báo từ chối trong đó nêu rõ lý do.

Thời hạn gia hạn văn bản chấp thuận là 10 năm tính từ ngày doanh nghiệp được Ngân hàng Nhà nước gia hạn văn bản.”.

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 21

Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Có hệ thống thông tin đáp ứng yêu cầu về bảo đảm an ninh mạng hệ thống thông tin cấp độ 3 trở lên theo quy định pháp luật của Việt Nam, có hồ sơ, tài liệu chứng minh việc bảo đảm hoạt động liên tục của hệ thống tham gia hệ thống thanh toán quốc tế; Có tài liệu mô tả cụ thể về hệ thống thanh toán quốc tế.”.

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 3 Điều 22

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Điều kiện cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán:

Tổ chức không phải là ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán khi đáp ứng đầy đủ và phải đảm bảo duy trì đủ các điều kiện sau đây trong quá trình cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, cụ thể như sau:

a) Có giấy phép thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp;

b) *Có vốn điều lệ tối thiểu*: 50 tỷ đồng đối với dịch vụ ví điện tử, dịch vụ hỗ trợ thu hộ, chi hộ và dịch vụ công thanh toán điện tử; 300 tỷ đồng đối với dịch vụ chuyển mạch tài chính, dịch vụ chuyển mạch tài chính quốc tế, dịch vụ bù trừ điện tử;

c) Điều kiện về nhân sự: Người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của tổ chức phải có bằng đại học trở lên về một trong các ngành *tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, công nghệ thông tin, điện tử và viễn thông, kế toán, kiểm toán* hoặc có ít nhất 05 năm kinh nghiệm là người quản lý, người điều hành của tổ chức trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, *trung gian thanh toán, tiền di động, công nghệ thông tin*; không thuộc những đối tượng bị *cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã* theo quy định của pháp luật;

d) *Có hệ thống thông tin* phục vụ cho hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán đáp ứng yêu cầu về *bảo đảm an ninh mạng* hệ thống thông tin cấp độ 3 theo quy định của pháp luật và *yêu cầu về bảo đảm hoạt động liên tục*;

đ) Đối với dịch vụ ví điện tử và dịch vụ hỗ trợ thu hộ, chi hộ cho các khách hàng có tài khoản tại nhiều ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, *ngoài các điều kiện quy định tại điểm a, điểm b, điểm c và điểm d khoản 2 Điều này*, tổ chức cung ứng dịch vụ phải được một tổ chức cung ứng dịch vụ chuyển mạch tài chính và dịch vụ bù trừ điện tử được Ngân hàng Nhà nước cấp phép để thực hiện chuyển mạch giao dịch tài chính và xử lý bù trừ các nghĩa vụ phát sinh trong quá trình cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán của tổ chức;

e) Đối với dịch vụ chuyển mạch tài chính, dịch vụ bù trừ điện tử, *ngoài các điều kiện quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 2 Điều này*, tổ chức cung ứng dịch vụ phải: Không kinh doanh ngành nghề khác ngoài hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán; Được một tổ chức thực hiện quyết toán kết quả bù trừ giữa các bên liên quan; Có Hợp đồng/thỏa thuận kết nối với ít nhất 50 ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (có tổng vốn điều lệ trong năm liền kề trước đó chiếm trên 65% tổng vốn điều lệ của các ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong hệ thống các tổ chức tín dụng) và ít nhất 20 tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, *trong đó* ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán đã tham gia kết nối không quá 02 tổ chức cung ứng dịch vụ chuyển mạch tài chính, dịch vụ bù trừ điện tử đã được Ngân hàng Nhà nước cấp phép; *Có hệ thống thông tin* đáp ứng tối thiểu theo yêu cầu về *bảo đảm an ninh mạng* hệ thống thông tin cấp độ 4 theo quy định của pháp luật, *yêu cầu về bảo đảm hoạt động liên tục*, đảm bảo khả năng tích hợp, kết nối được với hệ thống kỹ thuật của tổ chức tham gia có thỏa thuận kết nối; có hệ thống máy chủ thực hiện theo quy định pháp luật và đáp ứng năng lực xử lý tối thiểu 25 triệu giao dịch thanh toán/ngày;

g) Đối với dịch vụ chuyển mạch tài chính quốc tế, tổ chức cung ứng dịch vụ phải: Có Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán chuyển mạch tài chính còn hiệu lực; Được một tổ chức thực hiện quyết toán kết quả bù trừ giữa các bên liên quan; Tổ chức vận hành hệ thống thanh toán quốc tế kết nối với tổ chức

cung ứng dịch vụ chuyển mạch tài chính quốc tế phải được thành lập và hoạt động hợp pháp ở nước ngoài.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Trong thời hạn tối đa 06 tháng kể từ ngày được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, tổ chức được cấp phép phải cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán ra thị trường và chỉ được phép cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán ra thị trường sau khi triển khai hệ thống kỹ thuật đáp ứng quy định tại *điểm d* khoản 2 Điều này, đáp ứng quy định tại *điểm e, điểm g* khoản 2 Điều này đối với dịch vụ chuyển mạch tài chính, dịch vụ bù trừ điện tử, dịch vụ chuyển mạch tài chính quốc tế.”.

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 4, bổ sung khoản 6 Điều 23

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Các bản sao hồ sơ, tài liệu phải là *bản sao điện tử hoặc* bản sao có chứng thực hoặc bản sao cấp từ sổ gốc hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu theo quy định của pháp luật, trường hợp hồ sơ gửi trực tuyến thì thực hiện theo quy định về thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Hồ sơ được gửi qua *dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật* hoặc nộp trực tiếp tới Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước hoặc trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.”.

3. *Bổ sung* khoản 6 vào sau khoản 5 như sau:

“6. Khi các loại giấy tờ thuộc thành phần hồ sơ quy định tại Nghị định này đã được tích hợp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành thì Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm khai thác và sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành trên cơ sở trao đổi, cung cấp thông tin giữa các cơ quan quản lý nhà nước.

Khi thông tin lý lịch tư pháp của công dân Việt Nam, người nước ngoài đã được tích hợp trong Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp thì Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm khai thác và sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp, trường hợp không khai thác được, Ngân hàng Nhà nước có văn bản đề nghị cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu về lý lịch tư pháp cung cấp thông tin lý lịch tư pháp của Người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức đề nghị cấp Giấy phép để giải quyết thủ tục hành chính.”.

Điều 12. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 24

1. Sửa đổi, bổ sung điểm c, d, đ, e, g, h, i khoản 2 như sau:

“c) Đề án cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán được cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ của tổ chức thông qua theo Mẫu số 08 ban hành kèm theo Nghị định này;

d) Bản thuyết minh giải pháp kỹ thuật phục vụ cho hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán đề nghị cấp Giấy phép được cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ của tổ chức thông qua đáp ứng yêu cầu về bảo đảm an ninh mạng hệ thống thông tin cấp độ 3 theo quy định của pháp luật và phương án bảo đảm hoạt động liên tục của hệ thống thông tin;

đ) Hồ sơ về nhân sự:

Sơ yếu lý lịch theo Mẫu số 09 ban hành kèm theo Nghị định này, bản sao các văn bằng chứng minh năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc (Giám đốc) hoặc văn bản của người đại diện có thẩm quyền của đơn vị nơi người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc (Giám đốc) đã hoặc đang làm việc xác nhận chức vụ và thời gian đảm nhận chức vụ hoặc bản sao văn bằng chứng minh chức vụ và thời gian đảm nhiệm chức vụ tại đơn vị của người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc (Giám đốc);

Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong Cơ sở dữ liệu về văn bằng, chứng chỉ để thay thế thành phần hồ sơ văn bằng chứng minh năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc (Giám đốc). Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì Ngân hàng Nhà nước yêu cầu tổ chức đề nghị cấp Giấy phép bổ sung thành phần hồ sơ cần thiết để giải quyết thủ tục hành chính;

e) Bản sao các tài liệu chứng minh tổ chức đề nghị cấp Giấy phép được thành lập và hoạt động hợp pháp, gồm: giấy phép thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Điều lệ tổ chức và hoạt động của tổ chức; giấy chứng nhận đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài (nếu có).

Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành, Cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư để thay thế thành phần hồ sơ giấy phép thành lập, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài (nếu có) của tổ chức đề nghị cấp Giấy phép. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì Ngân hàng Nhà nước yêu cầu tổ chức đề nghị cấp Giấy phép bổ sung thành phần hồ sơ để giải quyết thủ tục hành chính;

g) Bản sao tài liệu chứng minh của tổ chức về việc đảm bảo duy trì giá trị của vốn điều lệ, gồm: Báo cáo tài chính của tổ chức (đã được kiểm toán của năm liền trước năm nộp Hồ sơ) hoặc Giấy chứng nhận phần vốn góp hoặc sổ đăng ký thành viên hoặc sổ đăng ký cổ đông của tổ chức hoặc danh sách chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp (nếu có) hoặc Giấy nộp tiền ngân hàng chứng minh số vốn đã góp;

h) Đối với dịch vụ chuyển mạch tài chính, dịch vụ bù trừ điện tử: phương án được một tổ chức thực hiện quyết toán kết quả bù trừ giữa các bên liên quan quy

định tại Mẫu số 08 ban hành kèm theo Nghị định này; *bản sao* văn bản thỏa thuận kết nối với các tổ chức tham gia (ít nhất 50 ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có tổng vốn điều lệ trong năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép chiếm trên 65% tổng vốn điều lệ của các ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong hệ thống các tổ chức tín dụng và ít nhất 20 tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán), có nội dung cam kết *đã tham gia kết nối không quá 02 tổ chức cung ứng dịch vụ chuyển mạch tài chính, dịch vụ bù trừ điện tử đã được Ngân hàng Nhà nước cấp phép; bản thuyết minh giải pháp kỹ thuật* đáp ứng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 22 Nghị định này;

i) Đối với dịch vụ chuyển mạch tài chính quốc tế:

Bản sao tài liệu chứng minh tổ chức vận hành hệ thống thanh toán quốc tế được thành lập và hoạt động hợp pháp ở nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền của quốc gia, vùng lãnh thổ nơi tổ chức thành lập hoặc đặt trụ sở chính cấp; phương án được một tổ chức thực hiện quyết toán kết quả bù trừ giữa các bên liên quan quy định tại Mẫu số 08 ban hành kèm theo Nghị định này.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Quy trình, thủ tục cấp Giấy phép

Trường hợp nộp hồ sơ được gửi qua *dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật* hoặc nộp trực tiếp tới Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước, tổ chức đề nghị cấp Giấy phép gửi 02 bộ hồ sơ và 06 USB lưu trữ bản quét Bộ hồ sơ đầy đủ đề nghị cấp Giấy phép theo quy định tại khoản 2 Điều này. Căn cứ vào hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan tiến hành thẩm định hồ sơ trên cơ sở các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định này.

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi tổ chức xác nhận đã nhận đầy đủ thành phần hồ sơ hợp lệ. Trường hợp thành phần hồ sơ không đầy đủ và hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi tổ chức yêu cầu bổ sung, hoàn thiện thành phần hồ sơ. Thời gian bổ sung, hoàn thiện thành phần hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu bổ sung thành phần hồ sơ nhưng tổ chức đề nghị cấp Giấy phép không gửi lại hồ sơ (*trừ trường hợp có lý do xác đáng*) hoặc hồ sơ bổ sung của tổ chức không đáp ứng thành phần thì Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lại hồ sơ cho tổ chức;

b) Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ thành phần hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước tiến hành thẩm định hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ cần giải trình, làm rõ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức giải trình, hoàn thiện hồ sơ. Thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu giải trình, hoàn thiện hồ sơ mà tổ chức không gửi lại hồ sơ (*trừ trường hợp có lý do xác đáng*) thì Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lại hồ sơ cho tổ chức.

Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung, hoàn thiện của tổ chức, Ngân hàng Nhà nước tiến hành thẩm định, cấp Giấy phép theo quy định. Trường hợp không cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời *từ chối và trả hồ sơ cho tổ chức*, trong đó nêu rõ lý do;”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Quy trình, thủ tục triển khai hoạt động sau khi được cấp Giấy phép

Tối thiểu 30 ngày làm việc trước ngày dự kiến cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán ra thị trường và không quá 06 tháng kể từ ngày được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép, tổ chức đã được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phải thông báo và cung cấp tài liệu chứng minh cho Ngân hàng Nhà nước về việc: Hệ thống kỹ thuật đáp ứng điều kiện quy định tại *điểm d* khoản 2 Điều 22 Nghị định này; bản sao Biên bản nghiệm thu kỹ thuật các dịch vụ trung gian thanh toán đã được cấp phép với một ngân hàng hợp tác đối với dịch vụ ví điện tử, dịch vụ hỗ trợ thu hộ, chi hộ và dịch vụ công thanh toán điện tử theo Mẫu số 10 ban hành kèm theo Nghị định này; *tài liệu liên quan* đối với dịch vụ chuyển mạch tài chính, dịch vụ bù trừ điện tử, dịch vụ chuyển mạch tài chính quốc tế đáp ứng điều kiện quy định tại *tại điểm e, điểm g* khoản 2 Điều 22 Nghị định này.

Trường hợp tổ chức thay đổi giải pháp kỹ thuật đã nêu tại điểm d, điểm h, khoản 2 Điều 24 Nghị định này thì tổ chức phải thông báo và cung cấp bản thuyết minh giải pháp kỹ thuật mới/thay đổi đến Ngân hàng Nhà nước tối thiểu 60 ngày trước ngày dự kiến cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán ra thị trường để Ngân hàng Nhà nước đánh giá.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, tài liệu, Ngân hàng Nhà nước thực hiện kiểm tra thực tế tại tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán và có văn bản thông báo về việc đáp ứng hoặc không đáp ứng quy định tại *điểm d, điểm e, điểm g* khoản 2 Điều 22 Nghị định này. Trường hợp không đáp ứng, Ngân hàng Nhà nước xem xét thực hiện thu hồi Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán theo quy định tại *điểm đ* khoản 1 Điều 27 Nghị định này.”.

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 25

Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Hết thời hạn Giấy phép

a) *Tối thiểu 90 ngày* trước ngày hết thời hạn hoạt động ghi trên Giấy phép, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phải gửi Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép cho Ngân hàng Nhà nước *theo quy định tại khoản 4 Điều 23 Nghị định này*. Trường hợp hồ sơ được gửi qua *dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền*

theo quy định của pháp luật hoặc nộp trực tiếp tới Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán gửi 02 bộ hồ sơ và 06 USB lưu trữ bản quét Bộ hồ sơ đầy đủ đề nghị cấp lại Giấy phép tới Ngân hàng Nhà nước, gồm:

a.1) Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép theo Mẫu số 11 ban hành kèm theo Nghị định này;

a.2) Tài liệu quy định tại điểm đ, điểm g khoản 2 Điều 24 Nghị định này; tài liệu phục vụ cho hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán theo Mẫu số 11 ban hành kèm theo Nghị định này.

b) Quy trình thực hiện:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi tổ chức xác nhận đã nhận đầy đủ thành phần hồ sơ hợp lệ. Trường hợp thành phần hồ sơ không đầy đủ và hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi tổ chức yêu cầu bổ sung, hoàn thiện thành phần hồ sơ. Thời gian bổ sung, hoàn thiện thành phần hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu bổ sung thành phần hồ sơ nhưng tổ chức đề nghị cấp lại Giấy phép không gửi lại hồ sơ (trừ trường hợp có lý do xác đáng) hoặc hồ sơ bổ sung của tổ chức không đáp ứng thành phần thì Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lại hồ sơ cho tổ chức.

Trong thời hạn 22 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép của tổ chức, Ngân hàng Nhà nước tiến hành thẩm định Hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ cần giải trình, làm rõ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức giải trình, hoàn thiện hồ sơ. Thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu giải trình, hoàn thiện hồ sơ mà tổ chức không gửi lại hồ sơ (trừ trường hợp có lý do xác đáng) thì Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lại hồ sơ cho tổ chức.

Trong thời hạn 22 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung, hoàn thiện của tổ chức, Ngân hàng Nhà nước sẽ xem xét cấp lại Giấy phép hoặc có văn bản thông báo từ chối và trả lại hồ sơ cho tổ chức, trong đó nêu rõ lý do.

Thời hạn hoạt động ghi trên Giấy phép là 10 năm.

c) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có văn bản thông báo của Ngân hàng Nhà nước về việc từ chối cấp lại Giấy phép, tổ chức không được cấp lại Giấy phép phải gửi thông báo bằng văn bản tới các tổ chức và cá nhân liên quan để thanh lý hợp đồng. Việc hoàn tất các nghĩa vụ, trách nhiệm giữa các bên liên quan được thực hiện theo quy định pháp luật.

Khi tổ chức không được cấp lại Giấy phép đã hoàn tất các nghĩa vụ, trách nhiệm giữa các bên theo quy định của pháp luật, sau thời hạn 03 năm kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản thông báo từ chối cấp lại Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cho tổ chức, tổ chức được đề nghị cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán theo quy định tại Điều 22 Nghị định này. Quy trình, thủ tục, hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thực hiện theo quy định tại Điều 23 và Điều 24 Nghị định này.”.

Điều 14. Sửa đổi, bổ sung Điều 26

Sửa đổi, bổ sung Điều 26 như sau:

“Điều 26. Sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán

1. Ngân hàng Nhà nước xem xét thực hiện sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán trong các trường hợp:

a) Trường hợp có nhu cầu thay đổi *một hoặc một số nội dung quy định trong Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán (bao gồm các trường hợp thay đổi do tổ chức lại doanh nghiệp theo quy định):* tên tổ chức, mã số doanh nghiệp, địa điểm đặt trụ sở chính, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán có Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán theo Mẫu số 12 ban hành kèm theo Nghị định này và bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã thay đổi các thông tin về doanh nghiệp.

Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành để thay thế thành phần hồ sơ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã thay đổi các thông tin về doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì Ngân hàng Nhà nước yêu cầu tổ chức đề nghị cấp Giấy phép bổ sung thành phần hồ sơ để giải quyết thủ tục hành chính;

b) Trường hợp ngừng cung cấp một hoặc một số dịch vụ trung gian thanh toán đã được cấp phép, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phải có Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán theo Mẫu số 12 ban hành kèm theo Nghị định này.

c) Đối với tổ chức cung ứng dịch vụ chuyển mạch tài chính quốc tế, trường hợp kết nối thêm hệ thống thanh toán quốc tế, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phải có Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán theo Mẫu số 12 ban hành kèm theo Nghị định này và các tài liệu quy định tại điểm i khoản 2 Điều 24 Nghị định này.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép, trường hợp thành phần hồ sơ không đầy đủ và hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi tổ chức yêu cầu bổ sung, hoàn thiện thành phần hồ

sơ. Thời gian bổ sung, hoàn thiện thành phần hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ;

Trong thời hạn 22 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ thành phần hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cho tổ chức. Trường hợp từ chối sửa đổi, bổ sung Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời tổ chức trong đó nêu rõ lý do;

3. Thời hạn hoạt động ghi trên Giấy phép sửa đổi, bổ sung không vượt quá thời hạn hoạt động ghi trên Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán;

4. Đối với dịch vụ trung gian thanh toán đề nghị ngừng cung cấp, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phải ngừng cung cấp dịch vụ sau khi Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung Giấy phép và trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung Giấy phép, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phải gửi thông báo bằng văn bản tới các tổ chức và cá nhân liên quan để thanh lý hợp đồng. Việc hoàn tất các nghĩa vụ, trách nhiệm giữa các bên liên quan được thực hiện theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp thay đổi một trong các nội dung sau: người đại diện theo pháp luật, vốn điều lệ, tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của chủ sở hữu; tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phải gửi thông báo cho Ngân hàng Nhà nước bằng văn bản và tài liệu chứng minh các thông tin liên quan (nếu có) trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có các thay đổi nêu trên.”.

Điều 15. Bãi bỏ quy định tại điểm a, sửa đổi, bổ sung điểm g, bãi bỏ điểm h khoản 1, sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 và bổ sung khoản 4 Điều 27

1. Bãi bỏ quy định tại điểm a khoản 1.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm g khoản 1 như sau:

“g) Trong quá trình thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phát hiện một trong các trường hợp sau:

g.1) Trong thời hạn 06 tháng liên tục, tổ chức không thực hiện hoạt động cung ứng tất cả các dịch vụ trung gian thanh toán đã được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép ra thị trường cho khách hàng;

g.2) Tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán không hoàn thành khắc phục kiến nghị thanh tra, kiểm tra liên quan đến các dịch vụ trung gian thanh toán đã được cấp Giấy phép trong thời gian quy định theo kết luận thanh tra, kết luận kiểm tra mà không có lý do xác đáng;

g.3) Tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán tái phạm việc báo cáo không trung thực đối với các dịch vụ trung gian thanh toán đã được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép.”.

3. Bãi bỏ điểm h khoản 1.

4. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 như sau:

Sau 10 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước nhận được đơn đề nghị thu hồi Giấy phép do chấm dứt hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán của tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, Ngân hàng Nhà nước ra quyết định thu hồi Giấy phép.

Sau 20 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh một trong các trường hợp quy định tại điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e khoản 1 Điều này, Ngân hàng Nhà nước ra quyết định thu hồi Giấy phép.

5. Bổ sung khoản 4 vào sau khoản 3 như sau:

“4. Trường hợp tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán giải thể hoặc phá sản theo quy định của pháp luật, Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán của tổ chức hết hiệu lực kể từ ngày tổ chức giải thể hoặc phá sản”.

Điều 16. Bổ sung Điều 27a

Bổ sung Điều 27a vào sau Điều 27 như sau:

“Điều 27a. Thu hồi một hoặc một số dịch vụ trung gian thanh toán đã được cấp phép

1. Ngân hàng Nhà nước xem xét thực hiện thu hồi một hoặc một số dịch vụ trung gian thanh toán đã được cấp phép trong các trường hợp sau đây:

a) Trong quá trình thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phát hiện tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán không hoàn thành khắc phục kiến nghị thanh tra, kiểm tra liên quan đến một hoặc một số dịch vụ trung gian thanh toán đã được cấp Giấy phép trong thời gian quy định theo kết luận thanh tra, kết luận kiểm tra mà không có lý do xác đáng;

b) Trường hợp tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán vi phạm quy định liên quan đến một hoặc một số dịch vụ trung gian thanh toán đã được cấp phép mà không có lý do xác đáng, cụ thể như sau:

b.1) Tổ chức cung ứng dịch vụ ví điện tử không thực hiện thu thập, kiểm tra các tài liệu, thông tin, dữ liệu xác minh thông tin nhận biết khách hàng, đối chiếu khớp đúng thông tin sinh trắc học của chủ ví điện tử (đối với khách hàng cá nhân), người đại diện hợp pháp (đối với khách hàng tổ chức) theo quy định; không đảm bảo duy trì tổng số dư trên tất cả các tài khoản đảm bảo thanh toán cho dịch vụ ví điện tử mở tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định.

Trường hợp tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán được cấp Giấy phép đối với 01 dịch vụ ví điện tử vi phạm quy định tại điểm b.1, Ngân hàng Nhà nước thực hiện quy trình, thủ tục thu hồi Giấy phép theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Nghị định này;

b.2) Tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán tái phạm việc báo cáo không trung thực đối với một hoặc một số dịch vụ trung gian thanh toán đã được cấp Giấy phép mà không có lý do xác đáng.

2. Quy trình, thủ tục thu hồi một hoặc một số dịch vụ trung gian thanh toán đã được cấp phép

Khi phát sinh một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, Ngân hàng Nhà nước xem xét thu hồi một hoặc một số dịch vụ trung gian thanh toán đã được cấp phép và ra thông báo đề nghị tổ chức giải trình.

Sau 20 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước ra thông báo nhưng tổ chức được cấp Giấy phép không có văn bản giải trình hoặc nội dung giải trình không xác đáng, Ngân hàng Nhà nước ra quyết định thu hồi một hoặc một số dịch vụ trung gian thanh toán đã được cấp phép theo mẫu số 16a đính kèm Nghị định này.

3. Ngay khi nhận được Quyết định của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phải lập tức ngừng cung ứng một hoặc một số dịch vụ trung gian thanh toán đã bị thu hồi.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có Quyết định của Ngân hàng Nhà nước về việc thu hồi một hoặc một số dịch vụ trung gian thanh toán đã được cấp phép, tổ chức trung gian thanh toán phải gửi thông báo bằng văn bản tới các tổ chức và cá nhân liên quan để thanh lý hợp đồng đối với một hoặc một số dịch vụ trung gian thanh toán đã bị thu hồi. Việc hoàn tất các nghĩa vụ, trách nhiệm giữa các bên liên quan được thực hiện theo quy định pháp luật.

Khi tổ chức trung gian thanh toán đã hoàn tất các nghĩa vụ, trách nhiệm giữa các bên theo quy định của pháp luật, sau thời hạn 03 năm kể từ ngày tổ chức trung gian thanh toán bị thu hồi một hoặc một số dịch vụ trung gian thanh toán trong trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, tổ chức trung gian thanh toán được đề nghị cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán đối với một hoặc một số dịch vụ trung gian thanh toán đã bị thu hồi theo quy định tại Điều 22 Nghị định này. Quy trình, thủ tục, hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thực hiện theo quy định tại Điều 23 và Điều 24 Nghị định này.”.

Điều 17. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 28

Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 28 như sau:

“1. Trách nhiệm phối hợp trong quá trình thẩm định

a) Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi lấy ý kiến của Bộ Công an và các cơ quan liên quan về việc tuân thủ quy định pháp luật liên quan của tổ chức và người đại diện theo pháp luật của tổ chức trong thời gian hoạt động trước khi được xem xét cấp, cấp lại Giấy phép đối với các trường hợp quy định tại Điều 24, khoản 1 Điều 25 Nghị định này và các trường hợp khác (trong trường hợp cần thiết);

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Ngân hàng Nhà nước, các bộ, cơ quan liên quan tại điểm a khoản này có ý kiến bằng văn bản gửi Ngân hàng Nhà nước;

c) Ngân hàng Nhà nước xem xét cấp, cấp lại Giấy phép và xử lý theo quy định trên cơ sở hồ sơ và ý kiến của các bộ, cơ quan liên quan.”.

Điều 18. Thay thế, bổ sung, thay thế cụm từ mẫu phụ lục

1. Thay thế các Mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 52/2024/NĐ-CP bằng các Mẫu tương ứng theo Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: Mẫu số 01, mẫu số 07, mẫu số 08, mẫu số 10, mẫu số 11, mẫu số 12, mẫu số 13, mẫu số 14, mẫu số 16.

2. Bổ sung Mẫu số 16a vào sau Mẫu số 16 ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Thay thế cụm từ “(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)” bằng cụm từ “(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu; hoặc ký số, ký điện tử theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử)” tại Mẫu số 02, Mẫu số 03, Mẫu số 05, Mẫu số 15.

Điều 19. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2026.

Điều 20. Điều khoản chuyển tiếp

1. Hồ sơ đề nghị mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực nhưng chưa giải quyết xong thì tiếp tục được xử lý theo quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ đó.

2. Hồ sơ đề nghị chấp thuận, gia hạn, thu hồi văn bản hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực nhưng chưa giải quyết xong thì tiếp tục được xử lý theo quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ đó.

3. Hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, thu hồi Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực nhưng chưa giải quyết xong thì tiếp tục được xử lý theo quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ đó.

Điều 21. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố; các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2).

PHỤ LỤC

DANH MỤC MẪU VĂN BẢN HỒ SƠ, THỦ TỤC

(Kèm theo Nghị định số..../2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026
của Chính phủ)

Mẫu số 01	Đơn đề nghị mở tài khoản thanh toán tại ngân hàng nhà nước
Mẫu số 07	Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán
Mẫu số 08	Nội dung Đề án cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán
Mẫu số 10	Biên bản nghiệm thu kỹ thuật
Mẫu số 11	Đơn đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán
Mẫu số 12	Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán
Mẫu số 13	Mẫu Giấy phép cấp/cấp lại hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán
Mẫu số 14	Mẫu Quyết định về việc chấp thuận sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán
Mẫu số 16	Quyết định về việc thu hồi dịch vụ trung gian thanh toán
Mẫu số 16a	Quyết định về việc thu hồi một hoặc một số dịch vụ trung gian thanh toán

**TÊN TỔ CHỨC MỞ
TÀI KHOẢN THANH TOÁN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ MỞ TÀI KHOẢN THANH TOÁN TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Kính gửi:

Tên tổ chức mở tài khoản thanh toán (Chủ tài khoản thanh toán):

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có):

- Tên dùng để giao dịch:

Giấy phép hoạt động/Quyết định thành lập số:

Ngày cấp: Nơi cấp:

Mã số thuế:

Địa chỉ: Điện thoại:

Website: Email:

Họ và tên người đại diện hợp pháp:

Phạm vi đại diện:

Ngày, tháng, năm sinh*: Giới tính (Nam/Nữ)*:

Quốc tịch*: là người cư trú/không cư trú:

Nơi thường trú*:

Nơi ở hiện tại (trường hợp khác với nơi thường trú): Điện thoại:

Quyết định bổ nhiệm số: ngày tháng năm

Số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu:

Ngày cấp:; Có giá trị đến:; Nơi cấp:

Họ và tên Kế toán trưởng (hoặc người phụ trách kế toán hoặc người kiểm soát chứng từ giao dịch với Ngân hàng Nhà nước):

Ngày, tháng, năm sinh*: Giới tính (Nam/Nữ)*:

Số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu:

Ngày cấp:; Có giá trị đến:; Nơi cấp:

Quyết định bổ nhiệm số/Văn bản số: ngày tháng năm

Đề nghị mở tài khoản thanh toán tại:

Loại tiền tệ: ☐ VND ☐ USD ☐ Loại khác:

Chúng tôi cam kết:

- Những thông tin trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác, đúng sự thật của các giấy tờ trong hồ sơ mở tài khoản thanh toán đính kèm.

- Chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước và xin chịu trách nhiệm đối với mọi vấn đề phát sinh trong trường hợp chúng tôi không thực hiện đúng, đầy đủ quy định về mở và sử dụng tài khoản thanh toán do Ngân hàng Nhà nước quy định.

- Có văn bản (kèm các giấy tờ liên quan) gửi Ngân hàng Nhà nước khi có bất kỳ sự thay đổi nào về thông tin mở tài khoản thanh toán hoặc mẫu dấu, mẫu chữ ký đã đăng ký sử dụng với Ngân hàng Nhà nước.

Hồ sơ đính kèm:

1) Bản đăng ký mẫu dấu và chữ ký kèm văn bản ủy quyền (nếu có);

2) Quyết định số.....

3)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu; hoặc ký số, ký điện tử theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử)

PHẦN DÀNH CHO NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Sau khi kiểm soát và xác định hồ sơ mở tài khoản thanh toán của..... là đầy đủ và hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước đồng ý mở tài khoản thanh toán số: cho

Ngày bắt đầu hoạt động:

TRƯỞNG PHÒNG KẾ TOÁN

(Ký, ghi rõ họ tên; hoặc ký số, ký điện tử theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử)

**GIÁM ĐỐC SỞ GIAO DỊCH/
GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
CHI NHÁNH KHU VỰC.....**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu; hoặc ký số, ký điện tử theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử)

Ghi chú: Trường hợp Ngân hàng Nhà nước nơi tiếp nhận Đơn đề nghị mở tài khoản thanh toán đủ điều kiện truy cập, khai thác thông tin trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì không bắt buộc tổ chức mở tài khoản thanh toán phải kê khai các thông tin đánh dấu (*).

BẢN ĐĂNG KÝ MẪU DẤU, CHỮ KÝ SỬ DỤNG TÀI KHOẢN THANH TOÁN TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

(Đính kèm Đơn đề nghị mở tài khoản thanh toán sốngày... của.....)

Tên tổ chức:

Địa chỉ giao dịch:Điện thoại giao dịch:

Tên tài khoản thanh toán:

Số tài khoản thanh toán:

Nơi mở tài khoản thanh toán:

Đăng ký mẫu chữ ký và mẫu dấu sẽ sử dụng trên các chứng từ giao dịch với Ngân hàng Nhà nước
..... như sau:

1. Mẫu chữ ký

Người đăng ký mẫu chữ ký	Mẫu chữ ký thứ nhất	Mẫu chữ ký thứ hai
1. Người đại diện hợp pháp của chủ tài khoản thanh toán: 1.1. Người đại diện hợp pháp thứ nhất: Họ và tên:..... Số định danh cá nhân/ số hộ chiếu:..... Ngày cấp:..... Có giá trị đến:..... Nơi cấp:..... Phạm vi đại diện:..... Quyết định bổ nhiệm/Văn bản ủy quyền:..... Thời hạn bổ nhiệm/Thời hạn ủy quyền:.....		
1.2. Người đại diện hợp pháp thứ hai: Họ và tên:..... Số định danh cá nhân (đối với thẻ căn cước, thẻ căn cước công dân)/ số hộ chiếu:..... Ngày cấp:..... Có giá trị đến:..... Nơi cấp:..... Phạm vi đại diện:..... Quyết định bổ nhiệm/Văn bản ủy quyền:..... Thời hạn bổ nhiệm/Thời hạn ủy quyền:.....		
1.3. Người đại diện hợp pháp thứ ba: Họ và tên:..... Số định danh cá nhân/ số hộ chiếu:..... Ngày cấp: Có giá trị đến:..... Nơi cấp: Phạm vi đại diện:..... Quyết định bổ nhiệm/Văn bản ủy quyền:..... Thời hạn bổ nhiệm/Thời hạn ủy quyền:.....		

2. Kế toán trưởng (hoặc người phụ trách kế toán, người kiểm soát chứng từ giao dịch với Ngân hàng Nhà nước) và người được ủy quyền		
2.1. Kế toán trưởng (hoặc người phụ trách kế toán, người kiểm soát chứng từ giao dịch với Ngân hàng Nhà nước): Họ và tên:..... Số định danh cá nhân /số hộ chiếu: Ngày cấp:..... Có giá trị đến: Nơi cấp:..... Quyết định bổ nhiệm/Văn bản số:..... Thời hạn bổ nhiệm/Thời hạn phân công phụ trách....		
2.2. Người được ủy quyền thứ nhất: Họ và tên:..... Số định danh cá nhân/số hộ chiếu:..... Ngày cấp:..... Có giá trị đến:..... Nơi cấp:..... Văn bản ủy quyền số..... ngày..... Thời hạn ủy quyền:..... Phạm vi ủy quyền:.....		
2.3 Người được ủy quyền thứ hai: Họ và tên:..... Số định danh cá nhân/số hộ chiếu: Ngày cấp:..... Có giá trị đến:..... Nơi cấp:..... Văn bản ủy quyền số..... ngày..... Thời hạn ủy quyền:..... Phạm vi ủy quyền:.....		

2. Mẫu dấu

Mẫu dấu thứ nhất	Mẫu dấu thứ hai

..... ngày...tháng....năm....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu; hoặc ký số, ký điện tử theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử)

PHẦN DÀNH CHO NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Sau khi xác định mẫu chữ ký và mẫu dấu của..... là hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước..... chấp thuận với Bản đăng ký mẫu dấu, chữ ký sử dụng tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước kèm theo tài khoản thanh toán số: của

Thời điểm bắt đầu có hiệu lực:

TRƯỞNG PHÒNG KẾ TOÁN

(Ký, ghi rõ họ tên; hoặc ký số, ký điện tử theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử)

**GIÁM ĐỐC SỞ GIAO DỊCH/
GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
CHI NHÁNH KHU VỰC.....**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu; hoặc ký số, ký điện tử theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử)

TÊN TỔ CHỨC
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
HOẠT ĐỘNG CUNG ỨNG DỊCH VỤ TRUNG GIAN THANH TOÁN

Kính gửi: Thông đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định về thanh toán không dùng tiền mặt và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Thông tư số .../.../TT-NHNN ngày... tháng... năm... của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);

....

Căn cứ Nghị quyết cuộc họp Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị/Văn bản của người đại diện có thẩm quyền của chủ sở hữu của.....(1).....số..... ngày... tháng... năm... về việc thông qua Đề án cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán và Bản thuyết minh giải pháp kỹ thuật;

...(1)... đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán với nội dung cụ thể như sau:

1. Tên Tổ chức đề nghị cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:
- Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có):
- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có):
- Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có):
- Tên dùng để giao dịch (nếu có):

2. Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số..... được cấp bởi..... ngày... tháng... năm...

3. Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:.....

4. Địa điểm đặt trụ sở chính, số điện thoại, số Fax, Email.

5. Tên (các) dịch vụ trung gian thanh toán đề nghị cấp Giấy phép:

.....

Tại thời điểm nộp Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, ...(1).....cam kết:

- Không đang trong quá trình chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, giải thể, phá sản theo quyết định đã được ban hành trong quá trình đề nghị cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán;

- Bảo đảm luôn có ít nhất một người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam (Khi chỉ còn lại một người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam thì người này khi xuất cảnh khỏi Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền);

- Chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính hợp pháp của nguồn vốn đã góp hoặc vốn được cấp.

- Không kinh doanh ngành nghề khác ngoài hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán (trường hợp tổ chức đề nghị cấp Giấy phép đối với dịch vụ chuyển mạch tài chính, dịch vụ bù trừ điện tử).

Chúng tôi cam kết đáp ứng và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước; chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép; không sao chép, giả mạo các giấy tờ chứng minh đủ điều kiện để được cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán trong Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép. Nếu vi phạm, chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Hồ sơ đính kèm:

- 1.
- 2.

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu; hoặc ký số, ký điện tử theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử)

Ghi chú: ...(1)... Tên tổ chức đề nghị cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.

NỘI DUNG ĐỀ ÁN CUNG ỨNG DỊCH VỤ TRUNG GIAN THANH TOÁN

Trong Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, Đề án cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán tối thiểu phải có các nội dung sau:

STT	Nội dung	Tiêu chí cụ thể
1	Giới thiệu chung về tổ chức đề nghị cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.	- Tên tổ chức. - Quá trình hình thành và phát triển. - Các ngành, nghề kinh doanh. - Định hướng cung ứng và triển khai cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán sau khi được cấp Giấy phép. - Các nội dung liên quan khác (nếu có).
2	Quy trình nghiệp vụ kỹ thuật của dịch vụ đề nghị cấp phép	- Tên dịch vụ. - Phạm vi cung ứng. - Đối tượng khách hàng. - Điều kiện sử dụng. - Sơ đồ và diễn giải các bước thực hiện nghiệp vụ. - Quy trình dòng tiền từ lúc khởi tạo giao dịch đến lúc quyết toán nghĩa vụ giữa các bên liên quan đối với dịch vụ ví điện tử và dịch vụ hỗ trợ thu hộ, chi hộ.
3	Cơ chế mở, duy trì số dư tài khoản đảm bảo thanh toán, mục đích sử dụng tài khoản đảm bảo thanh toán đối với dịch vụ ví điện tử	- Tổ chức cung ứng dịch vụ ví điện tử phải mở tài khoản đảm bảo thanh toán cho việc cung ứng dịch vụ ví điện tử. - Việc duy trì tổng số dư trên tất cả các tài khoản đảm bảo thanh toán cho dịch vụ ví điện tử. - Mục đích sử dụng tài khoản đảm bảo thanh toán cho dịch vụ ví điện tử theo quy định của pháp luật.
4	Cơ chế đảm bảo khả năng thanh toán đối với dịch vụ hỗ trợ thu hộ, chi hộ	- Xây dựng cơ chế đảm bảo khả năng thanh toán đối với dịch vụ hỗ trợ thu hộ, chi hộ tuân thủ quy định pháp luật.

5	Quy trình kiểm tra, kiểm soát nội bộ	- Xây dựng quy định nội bộ về kiểm tra, kiểm soát nội bộ, trong đó có các nội dung bao gồm: Mục đích, yêu cầu; trình tự thực hiện; trách nhiệm của bộ phận liên quan.
6	Quy trình quản lý rủi ro, đảm bảo an toàn, bảo mật	- <i>Quy định quản lý rủi ro, đảm bảo an toàn, bảo mật trong hoạt động ngân hàng điện tử.</i> - <i>Quy định về việc lập, sử dụng, bảo quản, lưu trữ chứng từ điện tử.</i> - Đánh giá các rủi ro có thể xảy ra và các biện pháp quản lý rủi ro tương ứng trong quá trình cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán. - Xây dựng quy trình nội bộ về chính sách, biện pháp xử lý rủi ro cụ thể.
7	Quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt	Quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt phù hợp với quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.
8	Quy trình và thủ tục giải quyết yêu cầu tra soát, khiếu nại, tranh chấp	- Quy định về việc giải quyết hoặc trả lời các khiếu nại, tra soát của khách hàng, trong đó thể hiện rõ: Các kênh tiếp nhận, bộ phận tiếp nhận, các bước hướng dẫn khách hàng khiếu nại, khâu xử lý khiếu nại trong nội bộ tổ chức trung gian thanh toán và khi phải phối hợp với các đơn vị liên quan. - Quy trình, thủ tục, trách nhiệm cụ thể của từng bên liên quan, thời gian thực hiện từng bước và kết quả trả lại cho khách hàng khiếu nại.
9	Phương án được một tổ chức thực hiện quyết toán kết quả bù trừ giữa các bên liên quan đối với dịch vụ chuyển mạch tài chính, bù trừ điện tử, chuyển mạch tài chính quốc tế	- Tổ chức thực hiện quyết toán. - Phạm vi quyết toán. - Điều kiện thực hiện quyết toán. - Đồng tiền quyết toán; tỷ giá áp dụng (nếu có). - Tài khoản quyết toán. - Quy trình quyết toán: Thời gian quyết toán, sơ đồ và diễn giải các bước thực hiện quyết toán, giải quyết tranh chấp, phí, các

		biện pháp nhận diện, phòng ngừa, xử lý rủi ro trong quá trình quyết toán (bao gồm rủi ro quyết toán các nghĩa vụ tài chính khi các bên tham gia mất khả năng thanh toán). - Quyền và trách nhiệm các thành viên và các bên liên quan. - Trường hợp tham gia dự án hợp tác kết nối thanh toán bán lẻ song phương giữa Việt Nam và một quốc gia hoặc một vùng lãnh thổ, tổ chức chuyển mạch tài chính quốc tế Việt Nam có cam kết về việc đảm bảo việc kết nối với hệ thống thanh toán quốc tế nước ngoài chỉ phục vụ cho nhu cầu thanh toán hàng hóa, dịch vụ của khách hàng tại Việt Nam và khách hàng tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ của dự án đó. - Mối liên hệ với các hệ thống thanh toán khác (nếu có).
--	--	--

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KỸ THUẬT

(Biên bản nghiệm thu kỹ thuật các dịch vụ trung gian thanh toán đã được cấp Giấy phép với một ngân hàng hợp tác đối với dịch vụ ví điện tử, dịch vụ hỗ trợ thu hộ, chi hộ và dịch vụ công thanh toán điện tử tối thiểu phải có các nội dung sau:)

1. Thông tin Tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán:

- Tên tổ chức.
- Người đại diện hợp pháp của tổ chức; chức vụ.
- Địa chỉ trụ sở chính.
- Điện thoại liên lạc.
- Các thông tin liên quan khác (nếu có).

2. Thông tin ngân hàng hợp tác:

- Tên ngân hàng.
- Người đại diện hợp pháp của ngân hàng; chức vụ.
- Địa chỉ trụ sở chính.
- Điện thoại liên lạc.
- Các thông tin liên quan khác (nếu có).

3. Các nội dung chính của Biên bản nghiệm thu kỹ thuật

Căn cứ kết quả triển khai nghiệm thu kỹ thuật dịch vụ trung gian thanh toán đã được cấp Giấy phép, hai bên cùng ký kết Biên bản nghiệm thu kỹ thuật (các) dịch vụ trung gian thanh toán với các nội dung sau:

- Tên (các) dịch vụ trung gian thanh toán thực hiện nghiệm thu kỹ thuật.
- Thời gian thực hiện (sau thời điểm cấp Giấy phép cung ứng (các) dịch vụ trung gian thanh toán).
- Môi trường thực hiện:
- Các nghiệp vụ/chức năng thực hiện nghiệm thu kỹ thuật (nếu có).
- Nội dung thử nghiệm
- Kết quả nghiệm thu kỹ thuật (đối với từng dịch vụ trung gian thanh toán).
- Đánh giá kết quả nghiệm thu kỹ thuật.
- Kịch bản nghiệm thu kỹ thuật (nếu có).
- Các nội dung liên quan khác (nếu có).

**Người đại diện theo pháp luật hoặc
người đại diện theo ủy quyền của ngân
hàng hợp tác**

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu; hoặc ký số,
ký điện tử theo quy định của pháp luật về
giao dịch điện tử)*

**Người đại diện theo pháp luật hoặc người
đại diện theo ủy quyền của tổ chức cung
ứng dịch vụ trung gian thanh toán**

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu; hoặc ký số, ký
điện tử theo quy định của pháp luật về giao
dịch điện tử)*

TÊN TỔ CHỨC
ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày.... tháng.... năm....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG
CUNG ỨNG DỊCH VỤ TRUNG GIAN THANH TOÁN

Kính gửi:(1).....

Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định về thanh toán không dùng tiền mặt và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Thông tư số .../.../TT-NHNN ngày... tháng... năm... của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);

.....

...(2)... đề nghị.....(1).....cấp lại Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán với nội dung cụ thể như sau:

1. Tên Tổ chức đề nghị cấp lại Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:
- Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có):
- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có):
- Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có):
- Tên dùng để giao dịch (nếu có):

2. Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số... được cấp bởi... ngày... tháng... năm...

3. Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

4. Địa điểm đặt trụ sở chính, số điện thoại, số Fax, Email:

5. Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán đã được cấp số... ngày... tháng... năm...

6. Lý do đề nghị cấp lại Giấy phép (chọn ô tương ứng):

☐ Hết thời hạn Giấy phép.

☐ Giấy phép bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị hủy dưới hình thức khác.

7. Các dịch vụ trung gian thanh toán đề nghị cấp lại Giấy phép:

.....

(Trường hợp tổ chức đề nghị cấp lại Giấy phép vì hết thời hạn Giấy phép, Tổ chức cung cấp các tài liệu sau:

1. Tài liệu chứng minh việc duy trì các điều kiện kỹ thuật để cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán đã được cấp Giấy phép tại thời điểm gửi đơn đề nghị cấp lại Giấy phép đến Ngân hàng Nhà nước, bao gồm:

a. Hồ sơ kỹ thuật phục vụ cho hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán (ngoại trừ dịch vụ chuyển mạch tài chính, dịch vụ bù trừ điện tử) bao gồm: Hồ sơ chứng minh việc đã triển khai các giải pháp đáp ứng yêu cầu bảo đảm an ninh mạng hệ thống thông tin cấp độ 3 theo quy định của pháp luật được rà soát trong vòng 01 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ cấp lại Giấy phép; Tài liệu chứng minh khả năng bảo đảm hoạt động liên tục của hệ thống cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán của tổ chức đề nghị cấp lại Giấy phép.

b. Đối với dịch vụ chuyển mạch tài chính, dịch vụ bù trừ điện tử: Tài liệu chứng minh và/hoặc báo cáo về việc thực hiện quyết toán kết quả bù trừ giữa các bên liên quan; Danh sách các ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán đang kết nối với tổ chức cung ứng dịch vụ chuyển mạch tài chính, dịch vụ bù trừ điện tử đề nghị cấp lại Giấy phép. Hồ sơ chứng minh việc đã triển khai các giải pháp đáp ứng yêu cầu bảo đảm an ninh mạng hệ thống thông tin cấp độ 4 theo quy định của pháp luật, bảo đảm khả năng tích hợp, kết nối được với hệ thống kỹ thuật của tổ chức tham gia có thỏa thuận kết nối được rà soát trong vòng 01 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ cấp lại Giấy phép; Tài liệu chứng minh khả năng bảo đảm hoạt động liên tục của hệ thống cung ứng dịch vụ chuyển mạch tài chính, dịch vụ bù trừ điện tử của tổ chức đề nghị cấp lại Giấy phép; hồ sơ, tài liệu chứng minh hệ thống máy chủ đáp ứng đúng quy định pháp luật và đáp ứng năng lực xử lý tối thiểu 25 triệu giao dịch thanh toán/ngày;

c. Đối với dịch vụ chuyển mạch tài chính quốc tế: Tài liệu chứng minh và/hoặc báo cáo về việc thực hiện quyết toán kết quả bù trừ giữa các bên liên quan.

2. Ngoài những nội dung cơ bản trên, Tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán có thể bổ sung các nội dung khác nếu thấy cần thiết.

Chúng tôi cam kết đáp ứng và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung trong Đơn và Hồ sơ đính kèm (nếu có). Nếu vi phạm, chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

Hồ sơ đính kèm:

- 1.
- 2.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu; hoặc ký số, ký
điện tử theo quy định của pháp luật về giao
dịch điện tử)*

Ghi chú:

...(1)...: Người có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính.

...(2)... Tên tổ chức đề nghị cấp lại Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.

TÊN TỔ CHỨC
TRUNG GIAN THANH TOÁN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG
CUNG ỨNG DỊCH VỤ TRUNG GIAN THANH TOÁN

Kính gửi:(1).....

Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định về thanh toán không dùng tiền mặt và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Thông tư số .../.../TT-NHNN ngày... tháng... năm... của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);

.....

Căn cứ Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số... ngày... tháng... năm... được cấp lần thứ... bởi...;

Căn cứ lý do khác (nếu có)

...(2)... đề nghị(1)..... sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán với nội dung cụ thể như sau:

1. Tên Tổ chức đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán¹:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:
- Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có):
- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có):
- Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có):
- Tên dùng để giao dịch (nếu có):

2. Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

¹ Tên tổ chức tại Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp.

3. Địa điểm đặt trụ sở chính, số điện thoại, số Fax, Email:

4. Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán số... ngày... tháng... năm... của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

5. Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép (chọn ô tương ứng):

☐ Thay đổi tên tổ chức

Tên Tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán sau khi thay đổi:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:

- Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có):

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có):

- Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có):

- Tên dùng để giao dịch (nếu có):

☐ Thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính

Địa điểm đặt trụ sở chính sau khi thay đổi:

☐ Thay đổi mã số doanh nghiệp

Mã số doanh nghiệp sau khi thay đổi:

☐ Ngừng cung cấp một hoặc một số dịch vụ trung gian thanh toán đã được cấp phép

- Tên (các) dịch vụ trung gian thanh toán ngừng cung ứng:

- Thời gian dự kiến ngừng cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán:

☐ Kết nối thêm hệ thống thanh toán quốc tế của tổ chức cung ứng dịch vụ chuyển mạch tài chính quốc tế.

Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Đơn này. Đối với trường hợp ngừng cung cấp một hoặc một số dịch vụ trung gian thanh toán đã được cấp phép, chúng tôi cam kết đã hoàn thành việc xử lý nghĩa vụ thuế, các khoản nợ, tài sản, quyền lợi khách hàng. Nếu vi phạm, chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu; hoặc ký số, ký điện tử theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử)

Hồ sơ đính kèm:

- 1.
- 2.

Ghi chú:

...(1)...: Người có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính.

...(2)...: Tên tổ chức đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán (tên tổ chức theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần gần nhất).

....(1)....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../GP -....(2)....

..., ngày... tháng... năm...

GIẤY PHÉP

Hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán

.....(3).....

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày... tháng... năm... của Chính phủ quy định về thanh toán không dùng tiền mặt và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);

Căn cứ Thông tư số .../.../TT-NHNN ngày... tháng... năm... của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);

Xét Đơn đề nghị cấp/cấp lại Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán số... ngày... tháng... năm... và Hồ sơ đính kèm của ...(4)...;

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cho:

1. Tên tổ chức: ...(4)...

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt/tiếng Anh (nếu có):

- Tên viết tắt bằng tiếng Việt và tiếng Anh, tên giao dịch (nếu có):

2. Mã số doanh nghiệp:

3. Địa điểm đặt trụ sở chính:

Điều 2. (Các) dịch vụ trung gian thanh toán được cấp/cấp lại Giấy phép:

Điều 3. (Các) điều khoản khác:

Điều 4. Trong quá trình cung ứng các dịch vụ trung gian thanh toán, ...(4)... phải tuân thủ quy định tại Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày... tháng... năm... của Chính phủ quy định về thanh toán không dùng tiền mặt và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có); Thông tư số .../.../TT-NHNN ngày... tháng... năm... của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có); các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Giấy phép này có thời hạn hoạt động 10 năm kể từ ngày ký (*đối với trường hợp cấp Giấy phép quy định tại Điều 24 Nghị định này*).

Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy phép số... ngày... tháng... năm... của(3)..... về việc cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cho...(4)... (*đối với trường hợp cấp lại Giấy phép quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định này*).

Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký, có thời hạn đến ngày... tháng... năm... và thay thế Giấy phép số... ngày... tháng... năm... của(3)..... về việc cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cho...(4)... (*đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định này*).

Nơi nhận:

- Như Điều 1;
- Ban Lãnh đạo NHNN;
-
- Lưu:.....

.....(3).....

Ghi chú:

- ...(1)...: Cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính.
- ...(2)...: Tên viết tắt của cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính.
- ...(3)...: Người có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính.
- ...(4)...: Tên tổ chức đề nghị cấp/cấp lại Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.

.....(1).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../QĐ-....(2)....

....., ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc chấp thuận sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép hoạt động
 cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán của...(3)...**

.....(4).....

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

*Căn cứ Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày... tháng... năm... của Chính phủ quy
 định về thanh toán không dùng tiền mặt và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);*

*Căn cứ Thông tư số .../.../TT-NHNN ngày... tháng... năm... của Thống đốc
 Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian
 thanh toán và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);*

.....

*Xét Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung
 gian thanh toán số... ngày... tháng... năm... và Hồ sơ đính kèm (nếu có) của...(3)...*

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 và/hoặc Điều 2 Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cho...(3)...., như sau:

...

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và là một bộ phận không thể tách rời của Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán số... ngày... tháng... năm... của.....(4)..... cấp cho...(3)...

Điều 3. ...(3)... phải:

1. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ (nếu có) phù hợp với nội dung thay đổi tại Điều 1 Quyết định này.

2. Gửi thông báo bằng văn bản tới các tổ chức và cá nhân liên quan để thanh lý hợp đồng và hoàn tất các nghĩa vụ, trách nhiệm giữa các bên liên quan theo quy định của pháp luật trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực (*trường hợp tổ chức đề nghị ngừng cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán*).

Điều 4. (Nội dung...nêu tại) Quyết định số... ngày... tháng... năm... của...(1)....việc sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán của...(3)... hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực (nếu có).

Điều 5. ...

Điều 6. Người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của...(3)... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

.....(4).....

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Ban Lãnh đạo NHNN;
-
- Lưu:.....

Ghi chú:

...(1)...: Cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính.

...(2)...: Tên viết tắt của cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính.

...(3)...: Tên tổ chức đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.

...(4)...: Người có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính.

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../QĐ-NHNN

..., ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thu hồi Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ
 trung gian thanh toán của...(1)...**

THÔNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày... tháng... năm... của Chính phủ quy định về thanh toán không dùng tiền mặt và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);

Căn cứ Thông tư số .../.../TT-NHNN ngày... tháng... năm... của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);

....

Xét đề nghị của ...(1)... (trường hợp tổ chức có Đơn đề nghị thu hồi Giấy phép do chấm dứt hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán)/đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (trường hợp có bản án, quyết định thi hành án, quyết định xử phạt vi phạm hành chính có nội dung yêu cầu thu hồi Giấy phép);

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thanh toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán số... ngày... tháng... năm... của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp cho:

1. Tên tổ chức:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:
- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh:
- Tên viết tắt:
- Tên giao dịch:

2. Mã số doanh nghiệp:

3. Địa điểm đặt trụ sở chính:

4. Lý do thu hồi:

Điều 2. Ngay khi nhận được Quyết định này, ...(1)... phải lập tức ngừng cung ứng các dịch vụ trung gian thanh toán. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, ...(1)... phải gửi thông báo bằng văn bản tới các tổ chức và cá nhân liên quan để thanh lý hợp đồng và hoàn tất các nghĩa vụ, trách nhiệm giữa các bên.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của...(1)... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Ban Lãnh đạo NHNN;
-
- Lưu:.....

THỐNG ĐỐC

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-NHNN

Hà Nội, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thu hồi một hoặc một số dịch vụ trung gian thanh toán đã được cấp phép của...(1)...

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định về thanh toán không dùng tiền mặt và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Thông tư số .../.../TT-NHNN ngày... tháng... năm... của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);

....

Xét vi phạm của (1) về....(nêu cụ thể trường hợp vi phạm tại Điều 27a Nghị định này);

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thanh toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi một hoặc một số dịch vụ trung gian thanh toán đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp tại Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán số... ngày... tháng... năm... của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp cho:

1. Tên tổ chức:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh:



- Tên viết tắt:
- Tên giao dịch:
- 2. Mã số doanh nghiệp:
- 3. Địa điểm đặt trụ sở chính:
- 4. (Các) Dịch vụ trung gian bị thu hồi:
- 5. Lý do thu hồi:

Điều 2. Ngay khi nhận được Quyết định này, ...(1)... phải lập tức ngừng cung ứng một hoặc một số dịch vụ trung gian thanh toán nêu tại khoản 4 Điều 1 Quyết định này. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, ...(1)... phải gửi thông báo bằng văn bản tới các tổ chức và cá nhân liên quan để thanh lý hợp đồng và hoàn tất các nghĩa vụ, trách nhiệm giữa các bên.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. ...(1)... tiếp tục được cung ứng các dịch vụ trung gian thanh toán(2) theo Giấy phép số ngày ... tháng ... năm của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Điều 4. Người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của...(1)... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Ban Lãnh đạo NHNN;
-
- Lưu:

THÔNG ĐỐC

Ghi chú:

- (1) Tên Tổ chức bị thu hồi Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.
- (2) Các dịch vụ trung gian thanh toán tại Giấy phép không thuộc khoản 4 Điều 1 Quyết định này.